

Bản án số: 185/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04-4-2022

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến

2. Ông Hồ Xuân Dũng

- Thư ký phiên Tòa: Ông Mang Đức Kham - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã

A

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 94/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 722/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 790/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 (có mặt)

HKTT: Số nhà 02 N, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định

Hiện trú tại: Thôn H, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định

*** Bị đơn:** Anh Lê Văn S, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 02 N, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:* Chị và anh Lê Văn S có thời gian tìm hiểu ngắn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống

tại số nhà 02 N, phường Đ, thị xã A. Khoảng 10 năm nay chị phát bệnh đau đầu, thường xuyên đi bệnh viện điều trị, có lúc chị nằm viện anh S ở nuôi nhưng anh thường tỏ thái độ khó chịu với chị, nói chị bệnh thì về nhà cho mẹ chị nuôi nên sau đó chị về nhà mẹ ruột ở một thời gian thì anh S đến khuyên chị về. Khi về chung sống thì anh S lại có thái độ thờ ơ và nói nặng nhẹ xúc phạm chị nên vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, chị bỏ về nhà mẹ ruột sống, cứ như vậy chị nhiều lần đi và anh S cũng nhiều lần đến năn nỉ chị về chung sống. Đến tháng 4 năm 2021, tình cảm giữa vợ chồng ngày càng nhạt dần, vợ chồng không còn sự quan tâm lẫn nhau nên chị quyết định bỏ về sống nhà mẹ ruột ở P, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Đến khoảng tháng 12 năm 2021, khi anh S đến nhà mẹ ruột thuyết phục chị về chung sống nhưng chị không đồng ý quay lại và đề cập đến vấn đề ly hôn thì anh S đánh chị trước mặt cha mẹ. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, chị không chung sống với anh S nữa nên kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Lê Thành Tr sinh ngày 18/12/2005 và Lê Thành Q sinh ngày 04/11/2009, hiện 02 con đang ở với anh S. Ly hôn, các con muốn ở với ai thì tùy ý kiến của các con, nếu con ở với chị thì chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, còn nếu con ở với anh S thì chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Văn S trình bày:* Anh thống nhất như chị H trình bày về điều kiện kết hôn. Sau khi cưới thì vợ chồng chung sống tại nhà riêng của anh ở địa chỉ 02 N, phường Đ, thị xã A; vợ chồng chung sống bình thường không có mâu thuẫn gì. Khoảng năm 2009 chị H phát bệnh trầm cảm, kéo dài đến năm 2020 thì bệnh tình nặng hơn, anh nhiều lần chở chị H xuống Bệnh viện tâm thần Bình Định nhập viện điều trị và nhận thuốc. Đến tháng 9 năm 2021 chị H nói với anh là chị bị bệnh khó ngủ, muốn về nhà mẹ ruột ở P chơi ít ngày cho khuây khoả nhưng lại dọn đồ về nhà mẹ ruột ở hẳn. Từ khi bỏ đi thì chị H chỉ ghé về nhà thăm con một lát rồi đi chứ không ở lại. Anh nhiều lần đến thuyết phục chị H về chung sống để anh tiện đưa đi chữa bệnh và chăm sóc nhưng chị H không đồng ý. Anh vẫn còn tình cảm với chị H, mong muốn chị H quay về chung sống để anh chăm sóc cho Hạnh khi đau bệnh. Tại phiên tòa, anh xác định đã nhiều lần mong muốn chị H quay lại nhưng chị H vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh nên anh thống nhất ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Lê Thành Tr sinh ngày 18/12/2005 và Lê Thành Q sinh ngày 04/11/2009 hiện đang ở với anh. Ly hôn thì các con muốn ở với ai tùy ý kiến của con. Nếu hai con ở với anh thì anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, nếu con ở với chị H thì anh tự nguyện cấp dưỡng

nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thành Tr, sinh ngày 18/12/2005 và Lê Thành Q, sinh ngày 04/11/2009 cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng. Anh S không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét

4. Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn S xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các điều kiện về kết hôn, được UBND phường Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chị H, anh S chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2009 chị H bị bệnh trầm cảm nên giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị H cho rằng trong cuộc sống vợ chồng xuất phát từ việc chị bị bệnh có lúc nằm viện thì anh S nói nặng nhẹ, bản thân chị sức khỏe yếu không làm việc có thu nhập nên anh S thường nói chị bằng những lời lẽ khó nghe, vì không chấp nhận thái độ của anh S nên chị nhiều lần bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Được cha mẹ chị em khuyên nhủ, chị tiếp tục quay về chung sống nhưng được một thời gian thì lại bỏ về nhà cha mẹ ruột ở luôn cho đến nay. Ngược lại, anh S cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn, anh mong muốn vợ chồng quay lại chung sống để nuôi con nhưng khi chị H tỏ thái độ không muốn tiếp tục chung sống và đặt vấn đề ly hôn thì anh S lại không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng mà anh lại có hành động đánh chị H làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn. Tại phiên tòa chị H thể hiện rõ thái độ kiên quyết yêu

cầu ly hôn, không chấp nhận quay lại chung sống với anh S và anh S cũng thống nhất ly hôn với chị H. Như vậy, cho thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh S đã thật sự căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn S.

[2.2] Về con chung: Chị H, anh S xác định có 02 người con tên Lê Thành Tr, sinh ngày 18/12/2005 và Lê Thành Q, sinh ngày 04/11/2009 hiện đang ở với anh S; chị H xác định các con muốn ở với ai do các con quyết định. Trong quá trình giải quyết vụ án, khi Tòa án lấy ý kiến của hai người con có sự chứng kiến của chị H và anh S thì nguyện vọng của cháu Trọng và cháu Quý là muốn tiếp tục được ở với ba. Do đó giao hai người con Lê Thành Tr và Lê Thành Q cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, anh S không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh S không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 và khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị H phải chịu 300.000đ được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005037 ngày 23/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 và khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1- Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn S.
- 2- Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Giao hai người con tên

Lê Thành Tr (sinh ngày 18/12/2005) và Lê Thành Q (sinh ngày 04/11/2009) cho anh Lê Văn S tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của anh S không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh S không yêu cầu giải quyết.

4- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.0000đ được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005037 ngày 23/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.

5- Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. A
- Chi cục THA TX. A
- UBND phường Đ
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Lệ

